

NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CỔ VẤN HỌC TẬP ĐÁP ỨNG PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Khi có sự thay đổi về phương thức đào tạo ở trường đại học từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, đội ngũ cổ vấn học tập đã xuất hiện nhằm thực hiện chức năng tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động cộng đồng trong và ngoài trường đại học. Mỗi cổ vấn học tập được coi như là một “mắt xích” trong vòng tròn của mối liên hệ giữa nhà trường – sinh viên - thị trường lao động; là đầu mối đảm bảo sự phối hợp giữa tính chủ động của sinh viên với sự tư vấn, định hướng của giảng viên trong quá trình học tập ở trường đại học. Trên cơ sở xây dựng các khái niệm, phân tích những cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu, bài viết đề xuất khung năng lực đội ngũ cổ vấn học tập đáp ứng phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học gồm 06 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí/chỉ báo cụ thể. Khung năng lực này sẽ là cơ sở lý luận cho chúng tôi tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa hơn nữa bằng những chỉ báo có thể đo lường, đánh giá được, có được một bộ tiêu chuẩn, tiêu chí hoàn chỉnh về năng lực đội ngũ cổ vấn học tập đáp ứng phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học.

Từ khóa: Cổ vấn học tập, đào tạo tín chỉ, năng lực, sinh viên, trường đại học.

Nhận bài ngày 13.05.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 30.8.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hồng ; Email: nthong2@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo tín chỉ (ĐTTC) là phương thức đào tạo tiên tiến, cho phép người dạy và người học chủ động hơn và việc đánh giá kết quả được sát thực tế, hạn chế tình trạng dạy và học theo lối kinh viện. Phương thức đào tạo này lấy người học làm trung tâm, nên tạo điều kiện cho người học phát huy nhiều nhất các kỹ năng tự chủ và tính năng động, sáng tạo trong quá trình học tập. Vì vậy, ĐTTC được nhiều nước trên thế giới áp dụng, đi đầu là Mỹ (Đại học Harvard vào năm 1872). Đến đầu thế kỉ XX, ĐTTC được áp dụng rộng rãi trong hầu hết các trường đại học ở Mỹ, tiếp theo đó, nhiều nước lần lượt áp dụng ĐTTC trong hệ thống các trường đại học, trong đó có Việt Nam trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây.

Cổ vấn học tập (CVHT) được nhắc đến nhiều từ khi phương thức ĐTTC ra đời và ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập, rèn luyện của sinh viên. Mỗi CVHT như là một “mắt xích” trong vòng tròn mối liên hệ giữa nhà trường – sinh viên - thị trường lao động; là đầu mối đảm bảo sự phối hợp giữa tính chủ động của sinh viên với sự tư vấn, định hướng của giảng viên trong quá trình học tập tại trường đại học. Việc thực hiện vai trò, nhiệm vụ trong hoạt động CVHT có ý nghĩa góp phần khẳng định sự thành công hay thất bại của phương thức ĐTTC. Do đó, vai trò của CVHT trong các trường đại học trên thế giới và ở Việt Nam là hết sức quan trọng.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu trong nước và trên thế giới về CVHT. Trên thế giới, CVHT được coi là một vị trí việc làm chính thức trong trường đại học, đòi hỏi người làm CVHT phải được đào tạo chính quy và có các phẩm chất, kinh nghiệm nhất định. Còn ở nước ta, người làm CVHT ở trường đại học thường là giảng viên kiêm nhiệm hay chính người học là sinh viên cũng có thể đảm nhiệm thêm công việc của CVHT (được gọi là CVHT đồng đăng).

Trên cơ sở xây dựng các khái niệm, phân tích những cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu, bài viết đề xuất khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học gồm 06 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí/chỉ báo cụ thể. Khung năng lực này sẽ là cơ sở lý luận cho chúng tôi tiến hành các nghiên cứu tiếp theo về bồi dưỡng và quản lý bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học hiện nay của nước ta.

2. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm cơ bản

Khái niệm năng lực (Competency)

Năng lực có nguồn gốc tiếng Latin “Competentia”. Ngày nay, khái niệm năng lực được hiểu nhiều nghĩa khác nhau theo những góc độ khác nhau của các nhà nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sử dụng khái niệm của tác giả Trần Khánh Đức (2013) trong công trình “*Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục*”: “*Năng lực là khả năng tiếp nhận và vận dụng tổng hợp có hiệu quả mọi tiềm năng của con người (tri thức, kỹ năng, thái độ, niềm tin,...) để thực hiện một công việc hoặc đối phó với một tình huống, trạng thái nào đó trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp*” [1].

Khái niệm đội ngũ cố vấn học tập

Hiệp hội CVHT Quốc gia (CVHT) Hoa Kỳ (National Academic Advising Association – NACADA, CVHT là một quá trình mang tính hệ thống dựa trên mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa người cố vấn với sinh viên nhằm giúp cho sinh viên đạt được các mục tiêu về giáo dục, nghề nghiệp và nhân cách ở trường đại học [2]. Chúng tôi cho rằng, *đội ngũ CVHT là những người tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, nghiên cứu khoa học và hình thành phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.*

Khái niệm phương thức đào tạo tín chỉ

Đào tạo theo tín chỉ (ĐTTC) là phương thức tổ chức đào tạo cho phép sinh viên (SV) đạt được văn bằng đại học qua việc tích lũy các loại tri thức giáo dục khác nhau và được đo lường bằng một đơn vị xác định gọi là tín chỉ (credit). Với ý nghĩa phương thức là cách thức tổ chức hay cách thức hành động, phương thức ĐTTC là cách thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ của trường đại học nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và trình độ chuyên môn, các phẩm chất nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc việc sau khi tốt nghiệp [3].

Trên cơ sở các khái niệm nêu trên, chúng tôi cho rằng, *năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC là sự vận dụng có hiệu quả tri thức, kỹ năng, thái độ, niềm tin,... của người CVHT để thực hiện tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên phát huy tối đa khả năng học*

tập, nghiên cứu khoa học và hình thành phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp trong tương lai đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học.

2.2. Cơ sở khoa học xây dựng khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học

2.2.1. Xu thế tất yếu của phương thức ĐTTC và sự cần thiết xây dựng đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học

a) Xu thế tất yếu của phương thức ĐTTC ở trường đại học

ĐTTC được coi là là một xu thế tất yếu của các trường đại học trên thế giới, trong đó có Việt Nam trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây, nhằm nâng cao tính tự chủ của giáo dục đại học giúp sinh viên hình dung và định lượng được tất cả yêu cầu của bản thân trong từng giai đoạn cũng như trong suốt quá trình học tập tạo điều kiện cho sinh viên chủ động lên kế hoạch, thực hiện việc học tập, dựa vào năng lực và điều kiện của bản thân mỗi người. Xu thế này được thể hiện ở các vấn đề sau [4]:

(i) ĐTTC có hiệu quả đào tạo cao, bởi phương thức đào tạo này cho phép sự chủ động thiết kế kế hoạch học tập và lựa chọn kiến thức tiến độ học tập phù hợp với khả năng, sở trường và hòa cảnh riêng của người học. Điều đó, đảm bảo cho quá trình đào tạo trong các trường đại học trở nên mềm dẻo, linh hoạt, đồng thời, cũng tạo khả năng cho việc thiết kế chương trình liên thông giữa các cấp đào tạo đại học và giữa các ngành đào tạo khác nhau. ĐTTC cho phép ghi nhận cả những kiến thức và khả năng mà sinh viên tích lũy được ngoài trường lớp để dẫn tới văn bằng, khuyến khích sinh viên từ nhiều địa điểm khác nhau có thể tham gia học đại học một cách thuận lợi. Về phương diện này, có thể nói ĐTTC là một trong những công cụ quan trọng để chuyển từ nền đại học mang tính minh họa thành nền đại học mang tính đại chúng.

(ii) ĐTTC có tính mềm dẻo và khả năng thích ứng cao. Bởi lẽ, với việc ĐTTC, sinh viên có thể chủ động ghi tên học các học phần khác nhau dựa theo những quy định chung về cơ cấu và khối lượng của từng lĩnh vực kiến thức; cho phép sinh viên dễ dàng thay đổi ngành chuyên môn trong tiến trình học tập khi thấy cần thiết mà không phải học lại từ đầu. Về phía trường đại học, có thể mở thêm ngành học mới một cách dễ dàng khi nhận được tín hiệu về nhu cầu của thị trường lao động và tình hình lựa chọn ngành, nghề của sinh viên. ĐTTC cũng cung cấp cho các trường đại học một ngôn ngữ chung, tạo thuận lợi cho sinh viên khi cần có thể chuyển trường cả trong nước cũng như ngoài nước.

(iii) ĐTTC đạt hiệu quả cao về mặt quản lý và giảm giá thành đào tạo, vì kết quả học tập của sinh viên được tính theo từng học phần, chứ không phải theo học năm học, do đó, việc không đạt thành công một học phần nào đó không cản trở quá trình học tiếp tục, sinh viên không bị buộc phải quay lại học từ đầu. Chính vì vậy, giá thành ĐTTC thấp hơn so với đào tạo theo niên chế. Nếu triển khai ĐTTC, các trường đại học lớn, đa lĩnh vực có thể tổ chức những môn học chung cho sinh viên nhiều trường, nhiều khoa, tránh được sự trùng lặp các môn học ở nhiều nơi; ngoài ra, sinh viên có thể học những môn học lựa chọn ở các khoa khác nhau. Cách tổ chức nói trên cho phép sử dụng được đội ngũ giảng viên giỏi nhất và phương tiện tốt nhất cho từng môn học. Kết hợp với ĐTTC, các trường đại học có thể tổ chức thêm những kì thi đánh giá kiến thức và kĩ năng của người học hoặc bằng những con đường tự học để cấp cho họ một tín chỉ tương đương, điều này tạo thêm cơ hội cho họ đạt

được văn bằng đại học. Ở Mỹ, đã có trên một nghìn trường đại học chấp nhận cung cấp tín chỉ cho những kiến thức và kỹ năng mà người học tích lũy được ở bên ngoài nhà trường.

b) Sự cần thiết xây dựng đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học

Nghiên cứu về sự cần thiết phải xây dựng đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học, tác giả Mai Sơn Nam cho rằng [5]:

(i) CTĐT: Trong CTĐT theo tín chỉ, ngoài các học phần bắt buộc còn nhiều học phần khác cho phép sinh viên được quyền lựa chọn. Do vậy, số lượng các học phần mà nhà trường tổ chức giảng dạy bao giờ cũng có tổng số tín chỉ lớn hơn quy định mà mỗi sinh viên phải tích lũy để hoàn thành chương trình. Như vậy, CVHT có thể giúp sinh viên lựa chọn số tín chỉ phù hợp với năng lực để xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình. Việc lựa chọn một môn học phù hợp với điều kiện của mỗi sinh viên là rất quan trọng.

(ii) Tính chủ động của sinh viên: Nhìn chung tính chủ động của đa số sinh viên Việt Nam thấp (nhất là sinh viên năm thứ Nhất). Họ chưa quen làm việc độc lập, vẫn giữ tư duy dựa vào giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ lớp để nắm thông tin của trường, lớp về đào tạo và những công việc khác, dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên không biết nhà trường sẽ tổ chức môn học nào trong mỗi học kỳ và kế hoạch học tập trong một học kỳ sẽ ra sao. Bởi vậy, sinh viên cũng chưa có thói quen tự học và thực tế, chưa coi tự học là một yêu cầu bắt buộc, một hoạt động cấu thành bộ phận của học phần.

(iii) Cơ sở pháp lý: CVHT là một trong nhiệm vụ của giảng viên được quy định trong Thông tư liên tịch giữa Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ [6] và các văn bản pháp luật chuyên ngành của Bộ GD&ĐT, chẳng hạn như Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 [7], Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 [8],...

2.2.2. Đặc điểm của phương thức ĐTTC ở trường đại học

Theo tác giả Nguyễn Thị Hồng (2024), phương thức ĐTTC ở trường đại học có các đặc điểm sau đây [3]:

- Về hình thức, phương pháp: ĐTTC không giới hạn thời gian học tập, SV phải tích lũy khối lượng kiến thức định sẵn, khi nào tích lũy xong thì đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường. Căn cứ vào chương trình chung được xây dựng với quy định số ít chỉ tối thiểu cần đạt được, SV có thể đăng ký một lịch học phù hợp với mình. SV không phải thi cuối năm, thi tốt nghiệp hay làm luận văn tốt nghiệp, chỉ cần hoàn thành số tín chỉ cần thiết của chương trình trong một thời gian thuận lợi nhất cho mình. Vì vậy, kế hoạch giảng dạy phải được bố trí một cách khoa học, hết sức chính xác và được thực hiện một cách nghiêm ngặt.

- Về nội dung: chương trình ĐTTC được xây dựng một cách mềm dẻo, cùng với các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn (cho phép SV dễ dàng điều chỉnh ngành nghề, hình thức đào tạo).

- Về quản lý SV: không có giáo viên chủ nhiệm mà thay vào đó là CVHT tại các đơn vị đào tạo để giúp SV lựa chọn, đăng ký các học phần đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện, khả năng của họ.

- Song một nguyên tắc quan trọng của ĐTTC là đào tạo theo trình độ thực tế của người học và chất lượng giảng dạy của người dạy sẽ là yếu tố quyết định sự lựa chọn của SV đăng ký theo học môn học.

Có thể nói, ĐTTC là một phương thức đào tạo tiên tiến, nhưng để đạt được hiệu quả của phương thức đào tạo này đòi hỏi giảng viên phải thay đổi cách dạy, sinh viên phải thay đổi cách học và nhà trường phải thay đổi cách quản lý [4].

2.2.3. Các yêu cầu năng lực đặt ra cho đội ngũ CVHT ở trường đại học

Hội đồng Sự tiến bộ các tiêu chuẩn của Mỹ (Council for Advancement of Standards - CAS) quy định tiêu chuẩn về tư vấn học tập: “Tải trọng tư vấn học tập phải phù hợp với thời gian cần thiết để thực hiện hiệu quả hoạt động”. Các tiêu chuẩn để tự đánh giá, theo Eric White, cựu chủ tịch NACADA và cựu đại diện của NACADA tại CAS, trong việc xem xét “tải trọng” một tổ chức phải tính đến: (1) loại sinh viên nào sẽ được tư vấn và do đó, nhu cầu tư vấn của họ là gì; (2) Ai đang cung cấp tư vấn; (3) Tải trọng mà khả năng CVHT có thể đảm nhận. Theo số liệu khảo sát NACADA (2011), “Có thể tìm thấy số lượng trung bình cho một cố vấn toàn thời gian là 296 sinh viên” [9].

Về chuyên môn, bằng cấp, theo tác giả Robbie Bruens (2012) đã chỉ ra, “để trở thành CVHT, bạn sẽ cần ít nhất một bằng cử nhân” [10]. Học viên đại học bang Kansas yêu cầu chứng chỉ tư vấn, chứng nhận và bằng thạc sĩ về tư vấn học tập. Hơn 89% CVHT có bằng thạc sĩ và nhiều người có bằng tiến sĩ. Tài liệu cũng cho thấy, CVHT được đào tạo từ các ngành khác nhau, như Tâm lý học, Giáo dục học, Xã hội học hay các chuyên ngành khác. Robbie Bruens (2012) yêu cầu CVHT cần có bằng thạc sĩ trong số các lĩnh vực như: tư vấn, Tâm lý học, QLGD, Giáo dục học, Phát triển sinh viên, Công tác xã hội và cần có kỹ năng như một nhà tâm lý [10].

Tuy nhiên, có một lựa chọn có thể giúp giải quyết nhu cầu của cả sinh viên và trường đại học đó chính là việc tuyển dụng CVHT từ sinh viên. Theo kết quả khảo sát của Habley WR. (2004), đang có sự gia tăng việc sử dụng sinh viên ở các trường đại học trong các vai trò khác nhau để hỗ trợ học tập. Cũng theo tác giả, các mô hình tổ chức tư vấn khác nhau sẽ có các CVHT khác nhau, một số trường đại học lựa chọn các CVHT chuyên nghiệp, hoặc CVHT là giảng viên, hoặc nhân viên tư vấn, trợ giảng [11].

Ở Việt Nam, việc quy định tiêu chuẩn CVHT được quy định khái quát trong “Quy chế hoạt động CVHT của mỗi trường đại học”, tiêu chí lựa chọn CVHT phải là giảng viên có từ 2 đến 3 năm giảng dạy trở lên và đạt tối thiểu trình độ thạc sĩ [12] [13]. Theo tác giả Võ Văn Đàn (2015), việc chọn lựa CVHT do Ban chủ nhiệm khoa xét tới các giảng viên có tiêu chí như am hiểu CTĐT, có kinh nghiệm, có tâm huyết, nhiệt tình với sinh viên [14].

Theo tác giả Nguyễn Văn Vân (2010) đã nêu rõ bốn tiêu chuẩn điều kiện của CVHT như sau: (1) CVHT phải là GV hoặc GV kiêm nhiệm và chuyên viên; (2) Có ít nhất 03 năm tham gia giảng dạy/ tham gia quản lý đào tạo; (3) Không bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong vòng 2 năm ngày trước khi bổ nhiệm; (4) Đã qua khóa tập huấn về các quy chế, quy định liên quan ĐTTC về công tác sinh viên, về chế độ chính sách đối với sinh viên [15].

Nghiên cứu của Trần Minh Đức – Lê Thị Thu Thủy (2012) [13] cho thấy, thực tế nhiều trường lựa chọn những CVHT là giảng viên trẻ tuổi, có khoa CVHT không phải là giảng viên như Giáo vụ,... Theo tác giả Bùi Thị Hồng Thái, Nguyễn Minh Giang, trường đại học

cần bổ sung thêm sự hỗ trợ của các phòng ban khác như phòng đào tạo, phòng CTHSSV để làm giảm gánh nặng của giảng viên làm kiêm nhiệm công tác CVHT [16].

Tác giả Nguyễn Thị Út Sáu (2013) cho rằng, CVHT cần được bồi dưỡng để có những phẩm chất, năng lực sau: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe ý kiến sinh viên [17]. Tác giả Trần Văn Hùng (2010) cũng chỉ rõ các kỹ năng cần thiết của CVHT: Kỹ năng nhận thức, kỹ năng tự đánh giá bản thân, kỹ năng cung cấp thông tin, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng mục tiêu, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng khuyến khích động viên, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng làm việc nhóm,... [18]. Các tác giả Võ Xuân Đàn [14], Nguyễn Duy Mộng Hà [19], Kiều Anh Tuấn [20] cho rằng, cần tăng cường hiểu biết công nghệ thông tin và các kỹ năng của CVHT như: tư vấn hỗ trợ, giải quyết vấn đề; nghiên cứu tìm hiểu về chế độ, chính sách quy định và thông tin cần thiết.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu về năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học đã đề cập đến các vấn đề cơ bản như: 1) về chuyên môn, bằng cấp và thâm niên giảng dạy; 2) có kiến thức, kỹ năng về CVHT cho sinh viên; 3) sử dụng thành thạo công nghệ thông tin; 4) nhiệt tình, gần gũi với sinh viên; 5) có thể sử dụng sinh viên làm CVHT.

2.3. Đề xuất khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu trên đây, chúng tôi đề xuất khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học như sau:

Bảng 1: Đề xuất khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học

TT	Tiêu chuẩn	Chỉ báo/nội dung
1.	Năng lực hiểu các văn bản liên quan đến CVHT	1.1. Hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác học sinh sinh viên, CVHT cho sinh viên ở trường đại học
		1.2. Hiểu văn bản quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT và của trường đại học
		1.3. Hiểu văn bản về công tác HSSV, CVHT của Bộ GD&ĐT và của trường đại học
		1.4. Hiểu các văn bản quy định chính sách hỗ trợ đối với người học ở trường đại học
		1.5. Hiểu các văn bản về thi đua khen thưởng đối với người học ở trường đại học
2.	Phẩm chất của CVHT	2.1. Trách nhiệm với công việc và sinh viên
		2.2. Tôn trọng sinh viên

		2.3. Gắn gũi, chia sẻ, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên
		2.4. Tin tưởng vào sự phát triển của sinh viên
3.	Năng lực xây dựng kế hoạch CVHT	3.1. Nghiên cứu tài liệu, văn bản hướng dẫn
		3.2. Hiểu, nắm vững CTĐT và Kế hoạch đào tạo khóa học của sinh viên
		3.3. Tổ chức thu nhận và nắm vững các thông tin về sinh viên
		3.4. Xác định các hoạt động CVHT cho sinh viên cho từng năm và toàn khóa học
		3.5. Xác định các biện pháp triển khai hoạt động CVHT cho sinh viên
		3.6. Xác định các điều kiện bảo đảm cho tổ chức các hoạt động CVHT hiệu quả
		3.7. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch CVHT
4.	Năng lực CVHT cho sinh viên	4.1. Tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên về chương trình học tập, đăng kí các học phần, điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp với năng lực của bản thân và hoàn cảnh
		4.2. Hướng dẫn sinh viên biết sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trong thực hiện Quy chế đào tạo của nhà trường và các thủ tục hành chính khác
		4.3. Tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ người học theo quy định của Nhà nước và trường đại học
		4.4. Lắng nghe và phản hồi kịp thời, đầy đủ các vấn đề của sinh viên đặt ra
		4.5. Tham vấn về nghề nghiệp và việc học tập nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn cho sinh viên cuối khoá học
		4.6. Sử dụng các phương tiện, thiết bị trong CHVT cho sinh viên
5.	Xây dựng các mối quan hệ giữa CVHT với các cá nhân, đơn vị trong trường đại	5.1. Xây dựng mối quan hệ giữa những người CVHT trong đơn vị đào tạo
		5.2. Xây dựng mối quan hệ giữa những người CVHT trong trường đại học

	học	5.3. Xây dựng mối quan hệ giữa các CVHT với các bộ phận chuyên môn và lãnh đạo của đơn vị đào tạo
		5.4. Xây dựng mối quan hệ giữa các CVHT với các đơn vị phòng/ban và các tổ chức xã hội của trường đại học
		5.5. Xây dựng mối quan hệ giữa các CVHT với các đơn vị tuyển dụng, đơn vị tài trợ, gia đình sinh viên
6.	Đánh giá thực hiện CVHT	6.1. Xác định nội dung và các tiêu chí đánh giá
		6.2. Xây dựng các biểu mẫu đánh giá
		6.3. Tổ chức đánh giá
		6.4. Viết báo cáo đánh giá
		6.5. Sử dụng kết quả CVHT

Như vậy, khung năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học được chúng tôi đề xuất như trên, gồm 06 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí/chỉ báo cụ thể.

3. KẾT LUẬN

Bài viết đã xây dựng các khái niệm cơ bản về năng lực, đội ngũ cố vấn học tập, phương thức đào tạo tín chỉ và năng lực đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học, đồng thời phân tích cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu bao gồm: 1) Xu thế tất yếu của phương thức ĐTTC và sự cần thiết xây dựng đội ngũ CVHT đáp ứng phương thức ĐTTC ở trường đại học; 2) Đặc điểm của phương thức ĐTTC ở trường đại học; 3) Các yêu cầu năng lực đặt ra cho đội ngũ CVHT ở trường đại học. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu này, bài viết đề xuất khung năng lực đội ngũ cố vấn học tập đáp ứng phương thức đào tạo tín chỉ ở trường đại học gồm 06 tiêu chuẩn với 32 tiêu chí/chỉ báo cụ thể.

Chúng tôi cho rằng, khung năng lực đã đề xuất ở bài viết này cần được tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa hơn nữa bằng những chỉ báo có thể đo lường, đánh giá được. Các trường đại học có thể tham khảo để xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo năng lực của CVHT của trường mình, đồng thời, tiến hành bồi dưỡng những năng lực này cho đội ngũ CVHT để góp phần bảo đảm sự thành công của phương thức ĐTTC hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Khánh Đức (2013), *Nghiên cứu nhu cầu và xây dựng mô hình đào tạo theo năng lực trong lĩnh vực giáo dục*, Đề tài trọng điểm ĐHQG Hà Nội, mã số: QGTD.
2. National Academic Advising Association (2006), *NACADA concept of academic advising*, USA.
3. Nguyễn Thị Hồng (2024), Phương thức đào tạo tín chỉ và các khuyến nghị đối với Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, số 86.

4. Lê Hồng Yên (2009), Đào tạo theo tín chỉ một phương thức đào tạo tiên tiến, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 166 (11-2009).
5. Mai Sơn Nam (2010), Cố vấn học tập trong đào tạo theo tín chỉ, *Tạp chí Giáo dục*, số 234 (kì 2-3/2010) tr.25-26.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ra ngày 28 tháng 11 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 về Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Hà Nội.
9. NACADA (2011), *Global community of academic advisors - Study consultancysurvey in 2011*, Retrieved from NACADA Learning Consulting Resources.
website:[http://www.nacada.ksu.edu/Portals/0/Clearhouse/document/Cchapte%206%20-%20Prof Professional% 20IDIA% 20Load% 20-% 20FINAL](http://www.nacada.ksu.edu/Portals/0/Clearhouse/document/Cchapte%206%20-%20Prof%20Professional%20IDIA%20Load%20-%20FINAL).
10. Robbie Bruens (2012), *Academic Advisor: Job Requirments and Salary Info*, A blog by Concordia University, Portland.
<https://education.cu-portland.edu/blog/teaching-careers/academic-advisor/>
11. Habley, WR (Ed.). (2004), *Status of academic advice: Results from the sixth*, National Survey of ACT (pp.14-26) (monograph series No. 10). Manhattan, KS: National Academic Advisory Association.
12. Trần Thị Minh Đức, Lê Thị Thu thủy (2012), *Những văn bản quy định và hoạt động thực tế của cố vấn học tập*, Hà Nội.
13. Trần Thị Minh Đức (Chủ biên) (2012), *Cố vấn học tập trong các trường đại học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
14. Võ Xuân Đàn (2015), *Các giải pháp nâng cao vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Kì yếu hội thảo “Vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường cao đẳng, đại học Việt Nam”, Viện Nghiên cứu giáo dục, Trường ĐHSP, Tp.HCM.
15. Nguyễn Văn Vân (2010), *Báo cáo một số nội dung về công tác CVHT theo học chế tín chỉ*. Hội nghị Bàn về mô hình hoạt động của CVHT- Trường Đại học Luật, Hà Nội.
16. Bùi Thị Hồng Thái - Nguyễn Minh Giang (2015), *Cố vấn học tập: khó khăn và giải pháp khắc phục*, Kì yếu hội thảo: Vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường cao đẳng, đại học Việt Nam, Viện nghiên cứu GD, Trường ĐHSP, TP. Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Thị Út Sáu (2013), Một số vấn đề lí luận về hoạt động tư vấn học tập cho sinh viên của cố vấn học tập ở các trường đại học, *Tạp chí Giáo dục*, số 318, tr.17-19.
18. Trần Văn Hùng (2010), *Nâng cao hiệu quả công tác CVHT trong các cơ sở giáo dục đại học*, Giáo dục Thời đại online.
19. Nguyễn Duy Mộng Hà (2015), Xây dựng công cụ hỗ trợ triển khai công tác cố vấn học tập và đánh giá hiệu quả công tác này, *Kì yếu Hội thảo “Vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo*

học chế tín chỉ tại các trường cao đẳng - đại học Việt Nam”, Viện nghiên cứu giáo dục, Trường ĐHSP, TP.HCM.

20. Kiều Anh Tuấn (2012), Tăng cường nguồn lực cố vấn học tập, Trần Thị Minh Đức, (Chủ biên) (2012), Cố vấn học tập trong các trường Đại học, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

COMPETENCY OF THE ACADEMIC ADVISOR TO MEET THE REQUIREMENTS OF CREDIT TRAINING METHOD AT UNIVERSITY

Abstract: *Once there was a change in the training method at the university from year-based training to credit-based training, academic advisors appeared to perform the function of advising and supporting students in their learning activities, scientific research and participation in community activities inside and outside the university. An academic advisor is considered a "link" in the circle of the relationship between the school - students - labor market; is the focal point to ensure the coordination between the initiative of students and the advice and orientation of lecturers during the learning process at the university.*

Based on the development of concepts and analysis of the scientific basis of the research issue, the paper proposes a competency framework for academic advisors to meet the credit training method at university which includes 06 standards with 32 specific criteria/indicators. This competency framework will be the theoretical basis for us to conduct further studies on training and management of competency development for academic advisors to meet the current credit training method at university in our country.

Keywords: *Academic advisor, credit training, competency, student, university.*